

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 228/2026/HS-ST
Ngày: 27 – 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Bùi Thị Thúy Lan
- Ông Trịnh Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 241/2026/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1971, số CCCD: 089171009162; thường trú tại: Ấp L, xã L, tỉnh An Giang; tạm trú tại: Số E, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); bị cáo đã ly hôn; bị cáo có 01 con sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Phan Thị C, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986; cùng trú tại: Ấp A, xã A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Ngọc D và ông Nguyễn Văn K sống chung với nhau như vợ chồng tại phòng trọ số E, nhà trọ địa chỉ: Số A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 11 giờ ngày 06/7/2025, vợ chồng bà Phan Thị C và ông Nguyễn Văn B là cậu ruột của ông K đi từ nhà đến phòng trọ của ông K và D chơi. Khi đi, bà C mang theo 01 túi xách, bên trong túi xách có 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 3,3 chỉ, 01 chiếc vòng kim loại vàng 24K trọng lượng 01 chỉ và số tiền 5.147.000 đồng.

Khi đến phòng trọ của D và ông K, C để túi xách trên tủ thờ tại phòng khách. Tại đây, D, ông K và vợ chồng bà C, ông B tổ chức ăn, uống. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày 06/7/2025, bà C, ông B và ông K vào phòng ngủ nằm nghỉ ngơi, còn D dọn dẹp tại phòng khách. Trong lúc dọn dẹp, D thấy túi xách của bà C để trên tủ thờ nên D nảy sinh ý định tìm tài sản bên trong túi xách để chiếm đoạt, D mở túi xách phát hiện bên trong túi xách có 01 sợi dây chuyền kim loại vàng, 01 chiếc vòng kim loại vàng và số tiền 5.147.000 đồng, D cầm lấy sợi dây chuyền, chiếc vòng kim loại vàng và số tiền 5.147.000 đồng cất giấu vào trong túi quần của D đang mặc trên người và bỏ lại túi xách của bà C tại vị trí cũ.

Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày 06/7/2025, bà C lấy túi xách và cùng ông B ra về. Khi về đến nhà, bà C mở túi xách ra xem thì phát hiện sợi dây chuyền kim loại vàng, chiếc vòng kim loại vàng và số tiền 5.147.000 đồng đã bị mất. Đến khoảng 20 giờ 40 phút cùng ngày, ông B đến nhà ông K xem lại camera gắn tại phòng trọ của ông K thì phát hiện D là người lấy trộm tài sản trong túi xách của bà C nên vợ chồng ông B, bà C đến Công an phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo. Công an phường T tiến hành làm việc với D. Qua làm việc, D khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm tài sản của vợ chồng bà C, ông B như trên và giao nộp toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt gồm: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng; 01 chiếc vòng kim loại màu vàng đã bị gãy; 5.147.000 đồng tiền mặt.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường T, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- “- 01 dây chuyền vàng 610 có trọng lượng 3,3 chỉ, trị giá: 21.285.000 đồng;*
- 01 chiếc vòng vàng 980 có trọng lượng 01 chỉ, trị giá: 10.450.000 đồng.”*

Như vậy, tổng giá trị tài sản do Nguyễn Thị Ngọc D chiếm đoạt của bà Phan Thị Mộng C là: 36.882.000 đồng.

Cáo trạng số 344/CT-VKSKV16 ngày 27 tháng 4 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và xác định:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về vật chứng: Đối với 01 dây chuyền vàng 610 có trọng lượng 3,3 chỉ, 01 chiếc vòng vàng 980 có trọng lượng 01 chỉ và số tiền 36.882.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho vợ chồng bà C và ông B là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Vợ chồng bà C, ông B không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 06/7/2025, tại phòng trọ số E, nhà trọ địa chỉ: Số A, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Ngọc D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 dây chuyền vàng 610 có trọng lượng 3,3 chỉ trị giá 21.285.000 đồng, 01 chiếc vòng vàng 980 có trọng lượng 01 chỉ trị giá 10.450.000 đồng và số tiền 5.147.00 đồng, tổng trị giá tài sản là 36.882.000 đồng của vợ chồng bà Phan Thị C, ông Nguyễn Văn B. Hành vi của Nguyễn Thị Ngọc D đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này, Nguyễn Thị Ngọc D là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên cần xử lý nghiêm để phòng ngừa chung cho xã hội.

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thống nhất với nhau, phù hợp với biên bản vụ việc, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, bản cáo trạng đã truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi lén

lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm và vi phạm pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi của mình với lỗi cố ý trực tiếp. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 36.882.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù nhận thức rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, lười lao động, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi này trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự, an ninh tại địa phương, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, khi quyết định hình phạt, cần áp dụng mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội; đồng thời cân nhắc đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo để bảo đảm việc xử lý vừa nghiêm minh, vừa có tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét tính chất, mức độ phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội chưa gây thiệt hại, và bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, việc phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị hại đề nghị cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, việc không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng không gây nguy hiểm nên không cần cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, xét thấy mức hình phạt theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 dây chuyền vàng 610 có trọng lượng 3,3 chỉ, 01 chiếc vòng vàng 980 có trọng lượng 01 chỉ và số tiền 36.882.000 đồng,

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã trả lại cho vợ chồng bà C và ông B là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà C, ông B không có yêu cầu bồi thường gì khác.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 46, Điều 47, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Văn bản số 03/VBHN-TANDTC Ngày 10 tháng 7 năm 2025 quy định về việc hợp nhất Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP về án treo.

- Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D 01 (một) năm 03 (tháng) tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án là 27 tháng 5 năm 2026.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân phường A, Thành phố Hồ Chí Minh phải thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành thủ tục theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Tp Hồ Chí Minh;
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 - TPHCM;
- Phòng thi hành án dân sự KV 16;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp.HCM;
- Cơ quan THAHS Tp Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; các đương sự khác
- Lưu: HS, THAHS, AV.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc